

KHẢO SÁT NGHĨA LIÊN NHÂN BIỂU HIỆN QUA TỪ XUNG HỒ CỦA NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM “MÀNH ĐẤT LẮM NGƯỜI NHIỀU MA” CỦA NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Chu Thị Lộc An

Trường Đại học Khánh Hòa

Tóm tắt: Dựa trên lý thuyết về quan hệ liên nhân, bài viết đi vào khảo sát từ xung hồ của nhân vật trong tác phẩm “Mảnh đất lắm người nhiều ma” của nhà văn Nguyễn Khắc Trường nhằm khẳng định rằng: từ xung hồ không chỉ là phương tiện để xưng gọi trong giao tiếp mà còn có tác dụng tạo lập các quan hệ liên cá nhân trong quá trình hội thoại. Trong tác phẩm Mảnh đất lắm người ma của Nguyễn Khắc Trường, từ xung hồ đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc thể hiện nghĩa liên nhân. Qua từ xung hồ, vị thế về tuổi tác và quyền lực; tâm lý và tính cách của các nhân vật được thể hiện rõ. Ngoài ra, qua từ xung hồ cũng có thể thấy rõ nét văn hoá ứng xử của người Việt Nam nói chung, của những người dân ở vùng Bắc Bộ nói riêng.

Từ khóa: Quan hệ liên nhân, nghĩa liên nhân, từ xung hồ, nhân vật Hàm và Thù, tác phẩm “Mảnh đất lắm người nhiều ma”, Nguyễn Khắc Trường.

1. Đặt vấn đề

Trong một cuộc thoại, các nhân vật không chỉ có quan hệ với nhau bởi sự phát nhận thông tin, tức quan hệ vai giao tiếp mà còn có quan hệ liên nhân. Quan hệ liên cá nhân được biểu hiện là “quan hệ so sánh xét trong tương quan xã hội, hiểu biết, tình cảm giữa các nhân vật giao tiếp với nhau”. Mỗi quan hệ liên nhân được thể hiện ở hai trục: khoảng cách và vị thế. Từ các mối quan hệ liên nhân thân hay sơ, bình đẳng hay quyền uy, các nhân vật giao tiếp bộc lộ thái độ, tình cảm của mình.

Vận dụng lý thuyết về quan hệ liên nhân, về từ xung hồ của các nhà ngữ dụng học nước ngoài như C.K.Orechioni, R.Lakoff, G.Leech và trong nước như Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Đức Dân, Nguyễn Thiện Giáp... bài viết đi vào khảo sát biểu hiện nghĩa liên nhân của từ xung hồ qua lời thoại hai nhân vật Hàm và Thù trong tiểu thuyết Mảnh đất lắm người

nhiều ma của nhà văn Nguyễn Khắc Trường. Hàm và Thù là hai nhân vật chính của tác phẩm, có số lượng cuộc thoại nhiều hơn so với các nhân vật khác, biểu thị nhiều mối quan hệ liên nhân khác nhau. Từ hai nhân vật này, chúng tôi sẽ đối chiếu so sánh với các nhân vật khác để có cái nhìn đa diện, nhiều chiều.

2. Biểu hiện nghĩa liên nhân qua từ xung hồ của hai nhân vật Hàm và Thù

2.1. Nghĩa liên nhân biểu hiện qua hệ thống từ xung hồ là đại từ nhân xưng

Kết quả khảo sát cho thấy đại từ nhân xưng được các nhân vật sử dụng với tần số cao và dùng để xưng nhiều hơn là dùng để gọi, thể hiện qua bảng so sánh sau:

Xưng		Gọi	
Đại từ nhân xưng	Số lần xuất hiện	Đại từ nhân xưng	Số lần xuất hiện
Tôi	148	Mày	8
chúng tôi	24	chúng mày	1
Ta	34	Mình	1
chúng ta	3		
Tao	4		
Mình	3		
tổng	216	tổng	10

Các đại từ nhân xưng này được các nhân vật sử dụng để xưng hô cả trong phạm vi giao tiếp gia đình và phạm vi giao tiếp xã hội. Đơn vị xưng hô được sử dụng nhiều nhất là đại từ *tôi*. Đại từ *tôi* xuất hiện trong các tình huống giao tiếp sau:

a1. Xưng *tôi* với vợ *con*, *anh em* - xưng hô trong gia đình. Đây là cách xưng hô nhằm tỏ thái độ thân mật của nhân vật trong tác phẩm, đồng thời cũng là cách xưng hô phổ biến của một số vùng ở nông thôn Việt Nam.

Ví dụ: - *Kìa thầy nó! Anh Cao đi giúp bà đấy ư? Hoa ơi, thầy về.*

- *Thôi mẹ nó nín đi, tôi về đấy rồi.*

Đây là cuộc thoại giữa ông Hàm và bà Son. Gọi vợ là *mẹ nó*, và xưng *tôi* là cách nói tình cảm, yêu thương nhất của ông đối với vợ.

a2. Xưng *tôi* trong gia đình, ngoài sắc thái thân mật thì trong một số trường hợp, cách xưng này in đậm dấu ấn quyền thế, gia trưởng.

Ví dụ: Bà Son:

- *Nhưng không có thì biết nói thế nào? Có bé xé ra to làm sao! (...)*

Ông Hàm nóng nảy cắt ngang:

- *Lúc này còn to với bé gì! (...) Còn tôi đây, chả cần ra tay đâu! Để xem các chú làm ăn thế nào đã. Không xong thì tôi sẽ có cách.*

Bà Son bị anh em Trịnh Bá lợi dụng để chống lại chi họ Vũ Đình. Bà hành động theo kế hoạch của Thủ vạch ra, dưới sự giám sát của ông Hàm. Mọi phản ứng của bà Son đều bị ông Hàm ngăn cản, đe dọa. Sự hách dịch, quyền biến, bảo thủ của ông Hàm thể hiện rõ qua thái độ cắt ngang lời bà Son và từ xưng hô *tôi*.

b. Xưng *tôi* với người ngoài. Trong tác phẩm từ *tôi* được sử dụng xưng hô với mọi đối tượng ngoài gia đình. Đối tượng giao tiếp có thể ít tuổi hoặc nhiều tuổi hơn nhân vật; có thể là cấp trên hoặc là cấp dưới của nhân vật. Các tình huống giao tiếp có đại từ *tôi* xuất hiện cũng rất đa dạng, với các sắc thái tình cảm khác biệt nhau có lúc thân mật, tình cảm, có khi trung hoà, có khi căng thẳng, đối địch. Nhưng người xưng *tôi* luôn có ý thức tạo khoảng cách hoặc khẳng định vị thế của mình.

Ví dụ: - *Nghe nói anh đang đốt gạch, anh định làm mái bằng hay mái chày?*

- *Dạ, trước mắt cháu làm nhà bếp và nhà ngang mái chày (...)*

Ông Hàm gật gù:

- *Nghe anh nói tôi thấy anh cũng thạo việc đấy. Thế mấy năm anh ở bộ đội làm gì?*

- *Dạ, cháu ở bộ binh (...)*

Khoảng cách giao tiếp bộc lộ rõ qua cặp từ xưng hô *tôi/anh* của ông Hàm. Đó là khoảng cách giữa người nhiều tuổi và kẻ ít tuổi. Ông Hàm xưng *tôi* và gọi Thủ bằng *anh* không phải với sắc thái thân mật mà là khách khí, bề trên. Là người ở vị thế cao về tuổi tác nên ông Hàm cứ hỏi thẳng những vấn

đề mình quan tâm mà không cần tính đến có lịch sự hay không lịch sự. Ngược lại với ông Hàm, Thủ luôn tỏ thái độ lễ phép, kính trọng người lớn tuổi qua cách đáp lời từ tốn, lịch sự và việc sử dụng danh từ thân tộc *cháu* để xưng hô.

Tâm lý gia trưởng của nhân vật còn được bộc lộ rõ qua cách dùng từ xưng hô kiểu như: *chúng tôi, gia đình tôi, gia đình chúng tôi* ...

Ví dụ: - *Thế chị định thế nào?*

- *Dạ thưa ông (...)*

Thủ nói giọng trầm trầm đã gần như giải bày:

- *Nếu chị làm được như vậy thì tôi có lời mừng cho chị. Từ hôm chị đến giúp gia đình bên này, tôi thấy chị cũng là người tháo vát, biết làm ăn, khéo xoay xở, còn gia đình chúng tôi có một số khó khăn như chị đã biết, nếu chị đỡ được phần nào thì đó là điều tốt cho chúng tôi, mà cũng là tốt cho chị.*

Cuộc chiến với chi họ Vũ Đình ngày càng trở nên gay gắt, anh em Trịnh Bá hết sức lúng túng. Chị Bé nhân cơ hội đó, liều lĩnh tham gia ý kiến với mục đích riêng của mình. Nếu trước đó Thủ luôn tỏ thái độ khinh miệt chị Bé thể hiện qua cách gọi *con mẹ ăn mày* thì giờ đây khoảng cách giữa hai người đã thay đổi. Thủ gọi bằng *chị* cùng với những lời “*trăm trăm đã gần như giải bày*” chứng tỏ Thủ đang dần chấp nhận “người đàn bà xa lạ” này trong gia tộc của mình. Đặc biệt cách xưng *chúng tôi, gia đình chúng tôi, gia đình bên này* in đậm dấu ấn gia trưởng, ý thức gia tộc của Thủ.

Ngoài đại từ *tôi, chúng tôi*, tổ hợp từ *gia đình chúng tôi, gia đình bên này*, các nhân vật còn sử dụng các đại từ nhân xưng khác. Đặc biệt là các đại từ nhân xưng bao gộp cũng được sử dụng không ít: *ta* xuất hiện 34 lần, *chúng ta* xuất hiện 3 lần, và tổ hợp từ mang nghĩa bao gộp *nhà mình, nhà ta, họ nhà ta, chi bộ ta...* xuất hiện 12 lần. Việc sử dụng từ xưng hô bao gộp trong quá trình hội thoại sẽ tạo ra nhiều kiểu quan hệ liên nhân nhất định, từ đó bộc lộ rõ thái độ, chủ ý của những người tham gia hội thoại, nhất là vai nổi.

Ví dụ: (Trong một cuộc họp, không khí đang hết sức căng thẳng)

- *Thưa các đồng chí. Tôi đồng ý với đồng chí Chính. Tôi không dám vor đưa cả năm, nhưng đừng là chi bộ ta có nhiều vấn đề cần giải quyết (...) để ta sát phạt, bới móc nhau, chúng ta không nên chấp vật (...). Chúng ta phải làm sao khi học tập xong, công tội rõ ràng, những sự đoàn kết phải được nâng cao, có như thế mới đúng phong cách của người cộng sản!*

Cùng với “những lời hoa mỹ”, cách xưng hô *tôi, ta, chúng ta, chi bộ ta, các đồng chí, đồng chí Chính* của Thủ đã “*tươi mắt được những cái đầu bốc lửa*”. Đặc biệt, Thủ đã sử dụng các từ xưng hô bao gộp *ta, chúng ta, chi bộ ta* nhằm ràng buộc mọi người, từ đó đánh vào “huyệt” ý thức trách nhiệm của người đảng viên trong họ. Người ta cảm thấy

lúng túng về cái “tôi” của mình trong cái chung “ta”, “*chị bộ ta*” mà đồng chí bí thư chỉ ra.

2.2. Nghĩa liên nhân biểu hiện qua hệ thống từ xưng hô là các danh từ thân tộc

Đề xưng hô, ngoài việc sử dụng các đại từ nhân xưng, các nhân vật còn sử dụng hệ thống các danh từ thân tộc.

Các danh từ thân tộc trước hết được dùng để xưng hô trong gia đình, thể hiện rõ thứ bậc trên dưới theo luật tôn ti. Đó là, gọi anh bằng *bác* xưng *em*; gọi em bằng *chú* xưng *tôi*; gọi vợ bằng *mẹ nó* xưng *tôi*. Đây là cách gọi thay vai- gọi thay vai con. Cách xưng gọi này thể hiện thái độ tôn trọng lẫn nhau, cũng là một nét văn hoá “xưng khiêm hô tôn” trong giao tiếp của người Việt.

Ngoài ra, hệ thống các danh từ *ông, bà, bác(bá), chú, anh, chị* cũng được các nhân vật sử dụng khi giao tiếp ngoài phạm vi gia đình, tức là giao tiếp xã hội với mục đích tạo lập những mối quan hệ liên nhân thân mật, gần gũi. Đây cũng là cách xưng hô phổ biến của người Việt Nam.

Trong một số trường hợp nhất định, gắn với hoàn cảnh cụ thể, những từ này được kết hợp với tên riêng của người đối thoại như: *bà Dân, chú Thỏ, bác Chinh...* cách sử dụng này tạo sắc thái thân tình, gần gũi.

Ngoài phạm vi gia đình, trong giao tiếp xã hội, những danh từ thân tộc này chủ yếu dùng để gọi và đi với chúng là đại từ xưng hô *tôi (tôi/ông, tôi/bà, tôi/chú, tôi/ anh Tùng...)*. Cách xưng hô này hoặc với sắc thái xã giao, trung tính hoặc với sắc thái thân mật nhưng người xưng luôn ở vị thế cao hơn về tuổi tác và đặc biệt là cao hơn về quyền lực.

Ví dụ: - *Kìa ông, ông hỏi gì cháu ạ?*
- *Tôi hỏi chị cái việc lúc sáng!*
- *Chị không giấu được tôi đâu!*

Nhìn vào mặt *chị*, *tôi* biết chẳng đồng nhập đồng nhiecc gì cả! *Chị* già rồi. Nhưng *tôi* không hiểu *chị* làm như thế để làm gì?

Khoảng cách giữa vai nói và vai nghe là khoảng cách giữa người làm thuê với chủ nhà được thể hiện rõ qua cặp từ xưng hô *cháu/ ông* của chị Bé. Ngược lại, ông Hàm vẫn gọi người làm thuê bằng *chị* và xưng *tôi*- cách xưng hô mang sắc thái trọng thị của ông trưởng họ vẫn không làm giảm uy thế của ông.

Tuy nhiên, khi ở thế bị động, người có vị thế cao về quyền lực thay đổi cách xưng hô từ *tôi* sang *em* thì lúc đó quan hệ liên nhân thay đổi.

Ví dụ: - *Ông Hàm đâu rồi?- Đưa bà Son lên võng, phủ lên chiếc chiếu, ông Chinh quay ra gọi to.*

Thủ hấp tấp, mặt tái ngắt, nói lập bập:

- *Vâng, vâng, bác để em lo liệu. Có gì đến chiều mới dám phiền đến các bác.*

Nếu bình thường, với người ngoài, Thủ luôn đứng ở vị thế cao về quyền lực thì trong trường hợp

này anh ta lại ở vị thế thấp, người ra lệnh lại là ông Chinh - một đảng viên cấp dưới.

Trong số các danh từ thân tộc được các nhân vật dùng làm từ xưng hô có hai danh từ *bà* và *bá* có vai trò biểu thị nghĩa liên nhân hết sức tinh tế và sâu sắc khi chúng được dùng để giao tiếp ngoài xã hội.

a. *Bà* ngoài vai trò là từ xưng hô trong giao tiếp gia đình còn được dùng trong giao tiếp ngoài xã hội để gọi những người phụ nữ có tuổi với sắc thái lịch sự, trọng thị. Trong tác phẩm này *bà* được dùng như một từ xưng hô thân mật, bồ bỡ. Trong những ngữ cảnh nhất định, nếu thêm vào phía trước nó danh từ chỉ loại “*cái*” thì sắc thái suồng sã, chỉ tính bông đùa càng gia tăng.

Ví dụ: - *Ai bảo **bà** để cho lấm vào? (...)*

- *Cơ mà khổ lắm **chú** ơi (...)*

- *Rõ khi **cái bà** này!*

Ngoài từ *bà*, ta còn bắt gặp từ *bà chú* được sử dụng để tạo ra không khí thân thiết khi giao tiếp.

Ví dụ: Thủ gọi xuống bếp:

- ***Bà chú** đâu rồi?*

- *Giờ **bác** mới sang. **Bác Hoi** và **bố cháu** mong **bác** từ trưa. Hôm nay **em** sắp **com quẩy qu** nhớ **cụ cháu**(...)*

Thủ gọi vợ Sứu (vợ chủ tịch xã) bằng *bà chú*, còn vợ Sứu gọi Thủ bằng *bác*, xưng *em*. Cách xưng hô cho thấy quan hệ giữa hai người cũng như giữa Thủ với gia đình Sứu (bề ngoài) là rất gần gũi, thân thiết. Đặc biệt cách xưng hô này thể hiện thái độ hoà nhã, thân thiện, dân dã của ông bí thư Đảng uỷ xã Trịnh Bá Thủ.

b. Danh từ thân tộc *bá* là biến thể mang đậm sắc thái địa phương của danh từ *bác*. *Bá* xuất hiện trong tác phẩm 42 lần với vai trò xưng hô và sắc thái tình cảm khác nhau.

Bá được dùng để gọi chị dâu. Cặp từ *em/ bá* (cách xưng gọi của Thủ) thể hiện quan hệ tôn ti với thái độ kính trọng của người gọi.

Ví dụ: - *Kìa **chú Thủ**, thế **chú** định giải quyết việc này thế nào?*

Bà Son đứng sững, nhìn Thủ trăn trối, Thủ có làm ra vẻ bình tĩnh:

- *Sẽ tìm cách gỡ sau, chứ bây giờ biết làm thế nào. **Em** vừa dặn **ba bác** cháu rồi, nhưng tí nữa **bá** nhớ nói thêm là phải bình tĩnh, không được chống đối **bá**, rồi **em** sẽ liệu.*

Thứ tự trên dưới trong quan hệ thân tộc giữa Thủ và bà Son thể hiện rõ ở cách xưng hô của hai người. Bà Son gọi Thủ bằng *chú* là cách gọi thay vai- gọi thay vai con vừa tình cảm vừa tôn trọng. Còn Thủ gọi *bá* xưng *em* thể hiện thái độ kính trọng chị dâu.

Bá cũng được dùng trong giao tiếp xã hội để gọi những người phụ nữ nhiều tuổi với mục đích tạo lập mối quan hệ thân mật, gần gũi.

Ví dụ: - Hôm nay **tôi** sang chủ yếu là nói chuyện với **bá**, chứ với đồng chí Phúc thì **chúng tôi** đã gặp nhau trên tinh thần đồng viên, nói hết ngọn ngành rồi - Thủ nhìn sang bà Dần nói thao thao: - Sự việc thế nào thì **bá** đã biết rồi, **tôi** khỏi nhắc lại. (...) Kết quả như **bá** thấy đấy. Hôm nay **tôi** sang đây có lời để **bá** rõ. (Thủ đến nhà Vũ Đình Phúc để giải thích với bà Dần vì sao ông Phúc rút lại đơn kiện ông Hàm)

Thấy Thủ đến, bà Dần vội vã chào “*nhưng đôi mắt lại loáng lên sắc lạnh*”: “*O kia bác Thủ! Chào bác. Mời bác lên nhà*”. Vào cuộc thoại, bà Dần hầu như câm lặng trước những lời nói nhún nhường, khiêm tốn của Thủ. Đặc biệt là cách xưng hô của Thủ đã ngăn cản được cơn nóng giận, tức tối của bà Dần. Là vợ của kẻ đối địch nhưng Thủ vẫn gọi bằng *bá* một cách thân tình, kính trọng khiến cho bà Dần phải ngậm cái miệng “*điều toa*” của mình cho đến khi “*...Thủ vừa khua tay khỏi cổng, bà Dần chợt nói xung lên: Đến xin người ta mà ăn nói kẻ cả như bố con chó bông ông con chó xồm. Cái thói nhà ấy đúng là không ai chịu được*”. Cách xưng gọi *tôi/ bá* của Thủ ở đây là một sự tính toán.

Từ xưng hô là danh từ thân tộc là một phương tiện hữu hiệu thể hiện chiến lược giao tiếp khi được sử dụng kết hợp với nhiều loại từ xưng hô khác: đại từ nhân xưng, tên riêng trong một cuộc thoại.

Ví dụ: - Xin phép **hai bác em** về ạ!

- Thong thả đã, hôm nay ở lại ăn cơm với **mình**. Có cả anh Sửu ở đây, mấy khi **anh em** có dịp ngồi với nhau. Chắc “**ông**” vẫn nghĩ là **tôi** sống khất khe lắm hả? Rồi sẽ hiểu nhau dần dần **Tùng** à! **Tôi** với ông Sửu làm một, hai năm nữa, rồi bàn giao cho lớp trẻ **các ông** chứ ai! (...) **Ta** phải có trách nhiệm xưa đi những âm khí.

Tùng gọi Thủ bằng *bác*, xưng *em* vừa thân thiện vừa giữ đúng “nguyên tắc”. Còn Thủ, người ở vị thế cao hơn về tuổi tác, quyền lực gọi Tùng bằng *ông*, *các ông*, *Tùng*, xưng *mình*, *tôi*, *anh em*, *ta* vừa bổ bã, tình cảm, lại vừa nghiêm túc, khiến Tùng không thể chối từ lời mời. Cách xưng hô thiết lập quan hệ bình đẳng, thân thiện của Thủ nhằm “*lấy lòng*” người nghe, lôi kéo người nghe về phía mình thật hiệu quả.

2.3. Nghĩa liên nhân biểu hiện qua hệ thống từ xưng hô là các danh từ chỉ chức danh nghề nghiệp, từ chuyên xưng gọi trong các tổ chức.

Khi nhân vật trong tác phẩm dùng các danh từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ để xưng gọi thì không khi cuộc thoại trở nên trang trọng, nghiêm túc. Các từ: *Đảng uỷ*, *thường vụ*, *công an* xuất hiện với tần số thấp: 5 lần. Đây là những từ chỉ nghề nghiệp nhưng được dùng để chỉ các đại diện có liên quan đến công việc chung.

Ví dụ: Thủ ngồi xuống ghế ở chính giữa, đúng vị trí của người chủ trì (...). Giọng mềm mỏng cân nhắc:

- Đây không phải là họp thường vụ, mà **tôi** chỉ muốn sự có mặt của **thường vụ** và **công an** để chứng kiến sự hoà giải giữa gia đình và **họ hàng chúng tôi** với gia đình và họ hàng đồng chí Phúc (...) nên **tôi** có mời đồng chí Phúc tới đây, coi như **chúng tôi** thông báo cho cả **thường vụ** được biết. (...)

Cách xưng hô của Thủ tạo được không khí nghiêm túc, trang trọng cho cuộc thoại. Chuyện cá nhân nhưng được cơ quan, tập thể chứng nhận, đó là chủ ý của Thủ.

Trong những năm tiền đổi mới, cách xưng hô phổ biến trong các cơ quan, đoàn thể là *tôi/ đồng chí*. Trong tác phẩm các từ: *đồng chí*, *các đồng chí*, *đồng chí + tên riêng* xuất hiện 32 lần.

Theo Nguyễn Văn Khang, một thời kỳ từ *đồng chí* không chỉ được dùng để hô gọi trong các cơ quan thể hiện thái độ nghiêm túc mà còn được dùng để hô gọi trong giao tiếp hằng ngày với sắc thái thân mật. Trong tác phẩm, ngoài hai biểu hiện này, từ *đồng chí*, tổ hợp từ *đồng chí + tên riêng* còn được dùng như một chiến lược giao tiếp của nhân vật.

Ví dụ: ... Vừa ngồi xuống Thủ nói ngay:

- Tôi có nghe cậu Cao nói **đồng chí** nhân tôi. (...)

- Không cần làm phiền thể **đồng chí Phúc** ạ. (...) Mời **bà Dần** vào đây **tôi** thưa câu chuyện. Nửa tiếng nữa **tôi** lại có cuộc họp ở trên xã với hội đồng giáo viên...

Thủ quay sang ông Phúc (...)

- Từ giờ trở đi có gì **ta** cứ nói thẳng với nhau để cùng giải quyết **đồng chí Phúc** ạ. (...) Thôi xin phép **hai bác** **tôi** phải đi không muộn mất.

Theo lời đề nghị, Thủ đến trình bày, phân minh hành động rút đơn kiện của ông Phúc với người nhà họ Vũ Đình. Nói chuyện với bà Dần nhưng Thủ lại hướng đến ông Phúc. Cách xưng hô *tôi/ đồng chí*, *đồng chí Phúc*; *ta/ đồng chí Phúc* của Thủ nghe thật thân thiện nhưng thực chất là răn đe đối phương. “*Đồng chí*” là một thành viên của Đảng, của tổ chức nên nếu “*có dụng ý xấu thì tổ chức sẽ có biện pháp*”. Lời đe dọa được che đậy bởi các từ xưng hô thật kín đáo, sâu sắc.

3. Kết luận

Từ xưng hô không chỉ là phương tiện để xưng gọi trong giao tiếp mà còn có tác dụng tạo lập các quan hệ liên cá nhân trong quá trình hội thoại. Trong tác phẩm *Mảnh đất lắm người ma* của Nguyễn Khắc Trường, nhân vật sử dụng từ xưng hô nhằm thể hiện: các mối quan hệ xã hội, dòng tộc, gia đình; mối quan hệ tôn ti thứ bậc, quan hệ tuổi tác và thái độ trọng khinh. Và qua cách xưng hô của hai nhân vật Hàm và Thủ, ta thấy hai nhân vật này khi xưng hô luôn ở vị thế trên về tuổi tác và quyền lực. Họ là những người mang nặng tâm lý gia trưởng và tư tưởng đẳng cấp phong kiến lạc hậu. Họ luôn là người chỉ đạo, chủ động lôi kéo, điều khiển đối tượng giao tiếp gần

trách nhiệm cá nhân vào vấn đề đặt ra; ý thức thường trực ở họ là danh dự, là sự sống còn của gia đình, họ tộc.

Qua từ xưng hô, ta thấy rõ nét văn hoá ứng xử của người Việt Nam nói chung, của những người dân ở vùng Bắc Bộ nói riêng. Cách gọi thay vai tức xưng gọi theo nguyên tắc “tha giả trung tâm” đã thể

hiện thái độ kính trọng lẫn nhau; cách dùng các danh từ thân tộc để xưng hô khi giao tiếp ngoài xã hội là nhằm mục đích tạo lập những mối quan hệ thân mật, gần gũi nhằm đạt hiệu quả cao trong quá trình giao tiếp. Đây là cách xưng hô trong giao tiếp của người Bắc Bộ, còn người Trung Bộ, Nam Bộ ít sử dụng lớp từ này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, năm 2001.
2. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, Tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, năm 1998.
3. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, năm 1998.
4. Nguyễn Thị Kim Luyện, Hiện thực hoá ý nghĩa liên nhân trong ngôn bản hướng dẫn sử dụng thuốc từ cách tiếp cận ngôn ngữ học chức năng hệ thống (trên ngữ liệu tiếng Việt), *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống* 7(274), năm 2018.
5. Trần Bình Tuyên, Cấu trúc ngữ nghĩa của cú trong văn chính luận Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học- Đại học Huế*, Tập 126, Số 6A, năm 2017.
6. Nguyễn Khắc Trường, *Mảnh đất lắm người nhiều ma (tiểu thuyết và bình luận)*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, năm 2002.
7. Bùi Minh Yến, Xưng hô giữa vợ và chồng trong gia đình người Việt, *Tạp chí Ngôn ngữ số 3*, năm 1990.

SURVEY OF THE INTERPERSONAL MEANINGS MANIFESTED THROUGH THE VOCATIVE CASE OF THE CHARACTERS FROM THE WORK "THE LAND OF MEN AND GHOSTS" OF NGUYEN KHAC TRUONG

Chu Thi Loc An

University of Khanh Hoa

Summary: *Based on the theory of interpersonal relations, the article investigates the vocative case of the characters in the work The Land of Men and Ghosts written by Nguyen Khac Truong, in order to assert that the vocative case is not only a mean of calling in communication but also serves to create interpersonal relationships during the conversation. In the work of writer Nguyen Khac Truong, vocative case plays a crucial role in the expression of interpersonal meaning. Mentalities and characters are clearly indicated through the vocative expressions, ages and positions of power. In addition, the North-Vietnamese's comportment in particular and Vietnamese's in general can also be noticed.*

Key words: *Interpersonal relationship, interpersonal meaning, vocative case, the characters Ham and Thu, The Land of Men and Ghosts, Nguyen Khac Truong.*